

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 472/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1981. Thường trú: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tạm trú: khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1983. Thường trú: khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Tạm trú: đường V, khu phố Tây B, phường Đ1, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/7/2022, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày:

Ông Trần Minh T và bà Nguyễn Thị TH tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 10/9/2018 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 10/9/2018). Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung

với nhau tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, bà TH thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần số tiền rất lớn. Hai vợ chồng nhiều lần phải bán đất để trả nợ cho bà TH. Mặc dù nhiều lần ông T đồng ý bán đất để trả nợ cho bà TH nhưng bà TH vẫn không thay đổi, vẫn đam mê cờ bạc dẫn đến gia đình luôn luôn căng thẳng, phải vay tiền để trả nợ cho bà TH. Bà TH sống không có trách nhiệm với gia đình, có T độ xem thường chồng mỗi khi chồng góp ý, không chịu lắng nghe ý kiến của chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, ông T đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Do không thể chịu đựng được T độ sống của bà TH nên ông T đã về quê tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống với gia đình. Nay, ông T không còn tình cảm gì đối với bà TH, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị TH.
2. Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn Nguyễn Thị TH trình bày: Bà TH thống nhất với lời trình bày của ông T về quá trình chung sống, cũng như về việc hai vợ chồng không có con chung và việc có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, ông T chơi tiền ảo qua mạng dẫn đến thua lỗ số tiền lớn và phải gian lận tiền bạc với vợ để có tiền trả nợ. Hai vợ chồng không còn sống chung với nhau hơn 6 tháng, hiện nay ông T đã về quê tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để sinh sống với gia đình. Nay, bà TH không còn tình cảm gì đối với ông T, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà TH và ông T được ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung bà TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà TH là trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Minh T khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị TH. Bà TH sinh sống và đăng ký thường trú tại địa chỉ: khu phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Minh T và bị đơn bà Nguyễn Thị TH vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà TH tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương vào ngày 10/9/2018 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 10/9/2018) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T và bà TH xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, cùng nhau vun đắp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Đây cũng là nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà TH đã trầm trọng nên việc ông T yêu cầu ly hôn với bà TH là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh T đối với bà Nguyễn Thị TH về việc “tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị TH (Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 10/9/2018 do Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp).

2. Về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004134 ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- Chi cục THADS thành phố D (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên